

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 393/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 22/5/2020

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC –THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa :* Bà Phạm Thị Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/- Ông Chu Mạnh Tường

2/- Bà Phan Thị Mai Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Nguyên Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1305 /2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thụy Đoan T - sinh năm: 1991

Thường trú: 63/4/19 Đường V, khu phố X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.(có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1 - sinh năm: 1990

Thường trú: Tổ 1 ấp Cấp Rang, xã B, Thị xã C, tỉnh Đồng Nai. (có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn yêu cầu thuận tình ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ông Nguyễn Văn T1 là người yêu cầu trình bày: Ông và bà Nguyễn Thụy Đoan T tự nguyện kết hôn vào năm 2016, có hỏi cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Xã B, thị xã C, tỉnh Đồng Nai. Sau khi lập gia đình cả hai sinh sống tại gia đình bà T, theo ông cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, từ đó dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên cả hai đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, thời gian ly thân hai bên có tạo điều kiện để đoàn tụ nhưng không kết quả. Tại Tòa ông xác định tình cảm không còn, do đó ông yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết cho vợ chồng ông được thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Thụy Hoài A - sinh ngày 21/6/2017. Sau khi ly hôn ông đồng ý giao cho bà Nguyễn Thụy Đoan T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đ (Ba triệu đồng), việc giao nhận tiền cấp dưỡng vào ngày cuối cùng của mỗi tháng. Thực hiện kể từ tháng 01/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi tròn.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn yêu cầu thuận tình ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải đoàn tụ không thành bà Nguyễn Thụy Đoan T là người yêu cầu trình bày: Giai đoạn đi đến hôn nhân đúng như lời trình bày của ông Nguyễn Văn T1, theo bà cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do ông T1 có quan hệ tình cảm với người khác, hai bên thường xuyên cãi vã nhau, từ đó dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Đôi bên đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, thời gian ly thân hai bên có tạo điều kiện để hàn gắn, đoàn tụ nhưng không thành. Tại Tòa bà xác định tình cảm không còn, do đó bà đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải và yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng bà được thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Thụy Hoài A - sinh ngày 21/6/2017. Sau khi ly hôn bà đồng ý trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 10.000.000 đ (Mười triệu đồng), việc giao nhận tiền cấp dưỡng vào ngày cuối cùng của mỗi tháng. Thực hiện kể từ tháng 01/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi tròn.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hai bên không thỏa thuận được số tiền cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không tiến hành lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành mà chỉ lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Cùng ngày ông Nguyễn Văn T1 có đơn xin rút lại yêu cầu thuận tình ly hôn và có đơn xin vắng mặt tham gia tố tụng tại Tòa án các cấp. Tại đơn xin vắng mặt ý kiến của ông T1 là thống nhất với ý kiến đã trình bày tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Do bà T không rút đơn yêu cầu nên Tòa án đã ban hành thông báo về việc đình chỉ giải quyết việc dân sự và thụ lý vụ án dân sự về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Đoan T và bị đơn là ông Nguyễn Văn T1 để giải quyết theo quy định tại Khoản 5 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập bà T, ông T1 đến tòa để giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật, nhưng ông T1 vắng mặt và có đơn xin vắng mặt tham gia tố tụng, do đó Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và mở phiên tòa xét xử hôm nay.

Tại phiên Tòa bà T xác định cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà vẫn giữ yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung bà T tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn T1 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để đến Tòa giải quyết vụ kiện và ông T1 có đơn xin được vắng mặt tham gia tố tụng tại Tòa án các cấp, theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T1.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, về việc tuân theo pháp luật: Tòa án nhân dân quận Thủ Đức và thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, về thụ lý vụ án, ra thông báo thụ lý vụ án, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục của pháp luật quy định. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Bà Nguyễn Thụy Đoan T và ông Nguyễn Văn T1 tự nguyện kết hôn vào năm 2016 có hỏi cưới và có đăng ký kết hôn, Giấy chứng nhận kết hôn số: 100/2016 ngày 03/11/2016 do Ủy ban nhân dân Xã Suối Tre, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai cấp là cơ sở xác định hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Hiện tại bà T đang sinh sống và cư trú tại phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, ông T1, bà T, có đơn yêu cầu được thuận tình ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, theo quy định tại các Điều 29, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thụy Đoan T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Nguyễn Thụy Đoan T và ông Nguyễn Văn T1 tự nguyện kết hôn vào năm 2016, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau đó đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do đôi bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau trong lĩnh vực tình cảm nên thường xuyên cãi vã, từ đó dẫn đến cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc nên cả hai đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2017 cho đến nay, thời gian ly thân hai bên có tạo điều kiện để đoàn tụ nhưng không kết quả. Ngày 15/11/2019 ông T1, bà T có đơn yêu cầu thuận tình ly hôn và tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành của Tòa án ngày 02/01/2020 cả hai đều yêu cầu được thuận tình ly hôn, điều này cho thấy khả năng đoàn tụ không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, xét hiện tại đôi bên đã sống ly thân, do đó việc bà T vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông T1 là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Thụy Hoài A - sinh ngày 21/6/2017. Sau khi ly hôn hai bên thống nhất giao bà T tiếp tục nuôi dưỡng con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung bà T tự nguyện không yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện không trái với quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Cả hai trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015, ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thụy Đoan T phải chịu 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng), ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thụy Đoan T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0056242 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thụy Đoan T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

***QUYẾT ĐỊNH:***

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Khoản 5 Điều 397; Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1-/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

a-/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thụy Đoan T với ông Nguyễn Văn T1.

b-/ Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thụy Hoài A - sinh ngày 21/6/2017 cho bà Nguyễn Thụy Đoan T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thụy Đoan T không yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết có thể thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

c-/ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2-/ Về án phí: ông Nguyễn Văn T1 bà Nguyễn Thụy Đoan T phải chịu 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng), ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thụy Đoan T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0056242 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thụy Đoan T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3-/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014”;

***Nơi nhận:***

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Chi cục THA dân sự Q.Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân xã B, thị xã C, tỉnh Đồng Nai;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Phạm Thị Thu**